

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 9 - 2024

"Về việc Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nguyệt Thu
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Thế; Ông Bùi Văn Hồng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXX-ST ngày 19/8/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1; sinh năm 1991

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

(Các đương sự đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Trần Thị T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T1 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/6/2016 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2019, anh Nguyễn Đức T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu mới sang vợ chồng có gọi điện hỏi han, quan tâm nhau, nhưng sau vợ chồng sống cách xa nên tình cảm dần phai nhạt, mỗi người đều có những suy nghĩ và lối sống riêng. Đến năm 2021, mâu thuẫn về cuộc sống hôn nhân ngày càng nhiều hơn. Hiện tại, chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Đức T1 để đảm bảo cuộc sống của hai bên.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 03/10/2016, hiện cháu đang sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị N tại thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi ly hôn chị có nguyện

vọng giao con cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh T1 chưa về nước thì cháu tiếp tục sống cùng ông bà nội. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày như sau:

- Về tình cảm: Anh và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh ngày 10/6/2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, hay cãi vã nhau. Năm 2019, anh đi lao động tại Hàn Quốc và sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường nhưng sau đó một thời gian vì khoảng cách địa lý và vợ chồng không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm không còn. Anh cũng thừa nhận không còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 03/10/2016, hiện cháu đang sống cùng ông bà nội. Anh và chị T thống nhất giao con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh chưa về nước tiếp tục nhờ bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị N chăm sóc cháu. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn trình bày ý kiến; đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh Nguyễn Đức T1 gửi về chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực chữ ký, chữ viết. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh H giám định chữ ký, chữ viết của anh T1 trong các văn bản trên so với chữ ký, chữ viết của anh trong Giấy chứng nhận kết hôn. Tại Kết luận giám định số 1017/KL-KTHS ngày 31/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh H xác định: Chữ ký, chữ viết đề tên Nguyễn Đức T1 dưới mục “Người viết đơn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “Người viết đơn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ ký, chữ viết đề tên Nguyễn Đức T1 dưới mục “Chồng” trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản anh Nguyễn Đức T1 gửi về thể hiện ý chí, nguyện vọng của anh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 464, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV; xử

- Về tình cảm: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 03/10/2016. Ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về việc giao con chung cho anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị Trần Thị T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, hiện anh đang sống và làm việc tại Hàn Quốc. Theo công văn số 658/PA08-Đ1 ngày 11/7/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thì anh T1 đã xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án, anh Nguyễn Đức T1 gửi đơn trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bố anh nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án chị T có mặt nhưng vì lý do công việc nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T1, chị T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T1 và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn ngày 10/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Việc kết hôn giữa anh T1 và chị T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T1, chị T sống hạnh phúc được một thời gian, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, anh T1 đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc và sinh sống cho đến nay chưa về nước lần nào. Sau khi anh T1 sang Hàn Quốc thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn và không liên lạc với nhau nữa. Hiện anh T1 và chị T đều thừa nhận không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy tình cảm giữa anh T1 và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T1 và chị T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 03/10/2016, con đang sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị N tại thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Anh T1 và chị T thỏa thuận sau khi ly hôn anh T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh T1 ở nước ngoài, anh tiếp tục nhờ bố mẹ là bà Phan Thị N và ông Nguyễn Văn M (trú tại Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh) chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu Nguyễn

Trần Linh Đ có đơn xin được ở với bố; ông M, bà N có đơn xin tình nguyện nuôi cháu. Xét thấy, việc thỏa thuận của đương sự là phù hợp quy định pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 464, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 03/10/2016. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh T1 về việc giao con chung cho anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị Trần Thị T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000008 ngày 08/7/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị T 150.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Nguyệt Thu